

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	665.002.629.281	596.808.890.559
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	188.205.290	44.622.484
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		664.814.423.991	596.764.268.075
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	605.870.663.603	542.169.413.489
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		58.943.760.388	54.594.854.586
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	143.062.659	120.899.173
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	1.315.116.688	886.706.143
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.286.901.962	871.257.937
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8a	35.153.431.527	34.348.036.781
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8b	10.782.594.777	8.422.871.658
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.835.680.055	11.058.139.177
11. Thu nhập khác	31	VI.6	2.319.194	527.141.673
12. Chi phí khác	32	VI.7	52.412.478	84.923.263
13. Lợi nhuận khác	40		(50.093.284)	442.218.410
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.785.586.771	11.500.357.587
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	2.368.331.155	2.310.779.466
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9.417.255.616	9.189.578.121

Người lập biểu

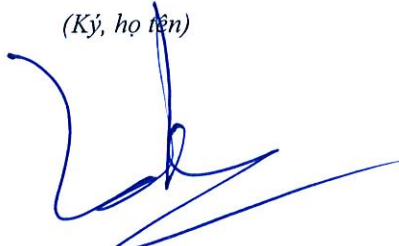
(Ký, họ tên)



Lê Thị Kim Dung

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)



Ngô Thu Dung

Lập, ngày 25 tháng 02 năm 2019

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Hà Quốc Cường